

CTCP GKM Holdings

Ngày 31/12/2024	4,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/24
1.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.37 -81.3%

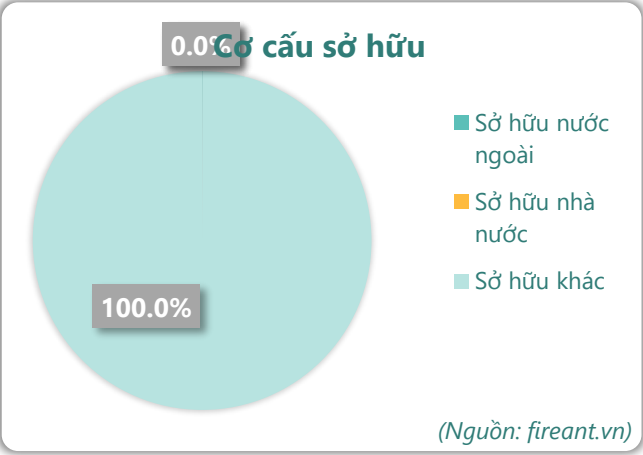
LN thuần Q4/24
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.23 104%

LN sau thuế Q4/24
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.57 103%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
8.1%
YoY: +/-▼ 11.4%

ROE 2024
1.4%
YoY: +/-▼ 9.9%

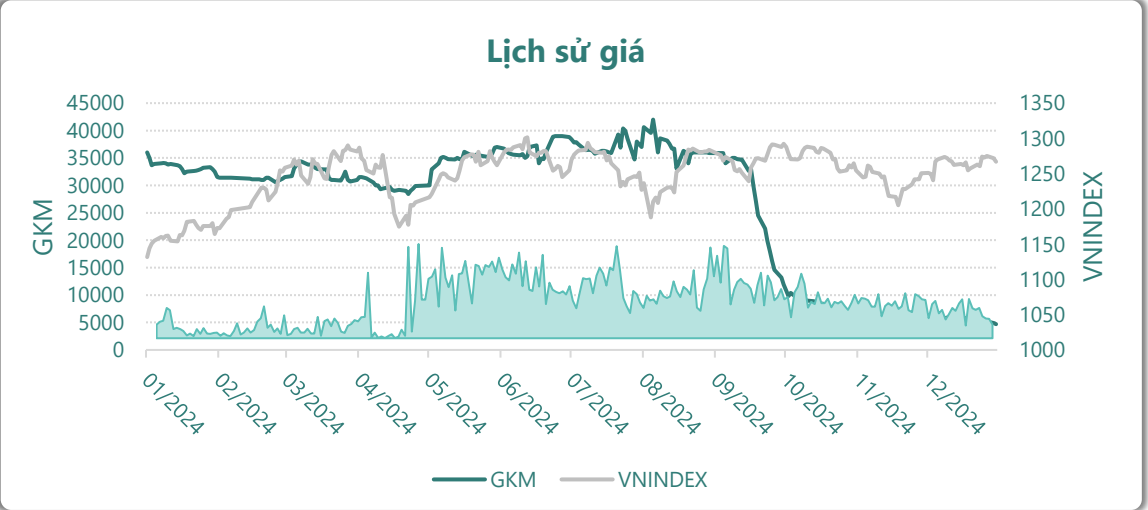
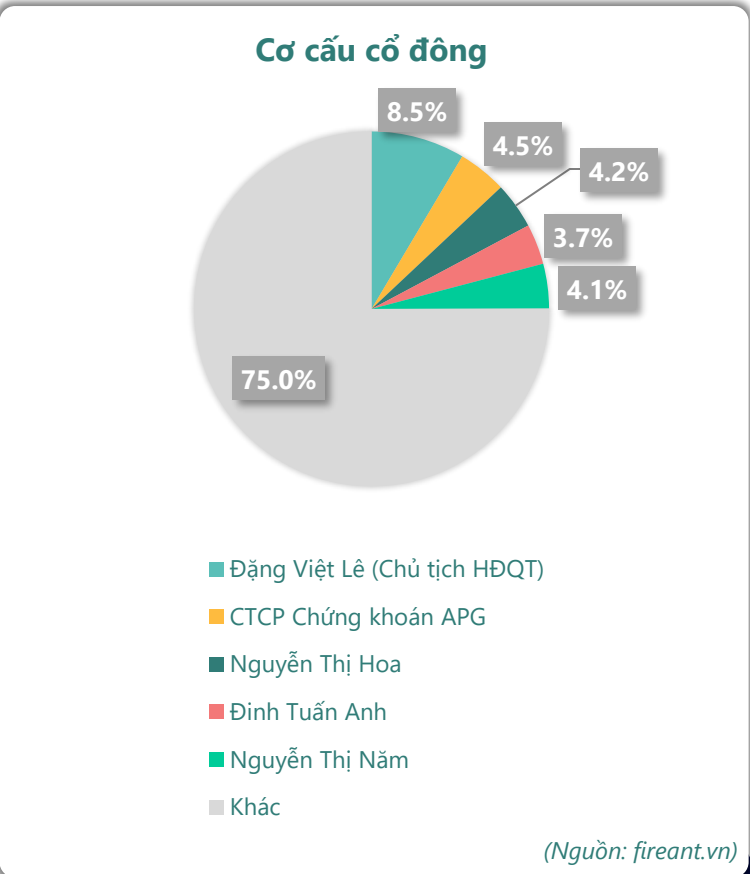
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	148
Số lượng CPLH (CP)	31,434,237
KLGD BQ 20 phiên (CP)	419,365
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.17
EPS	153
P/E	30.7



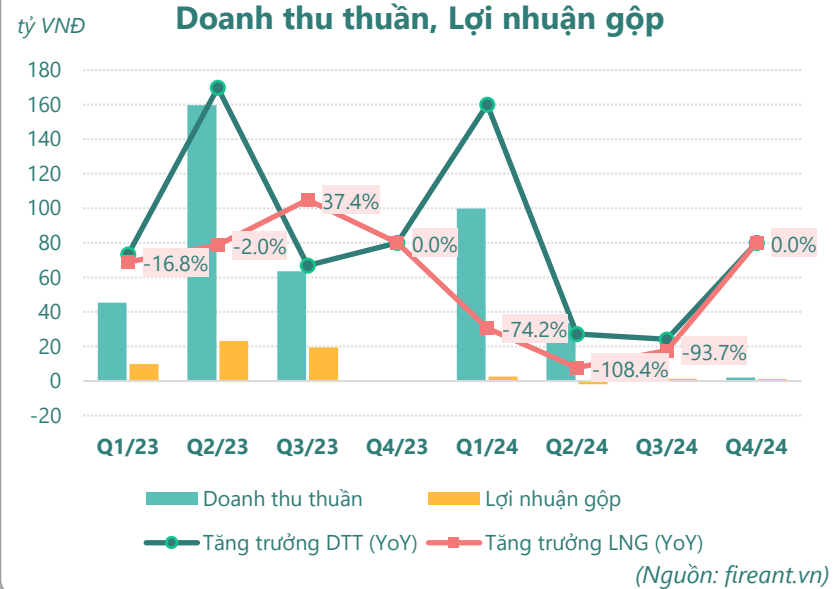
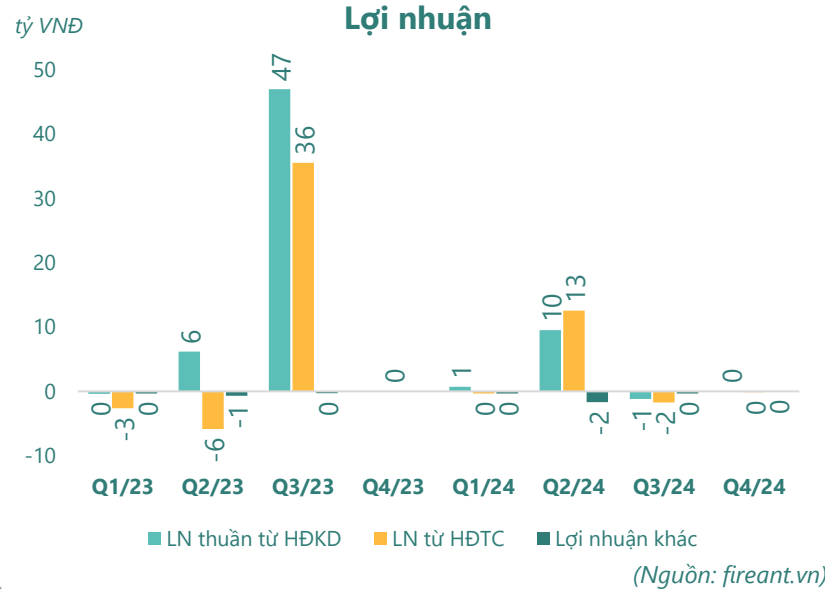
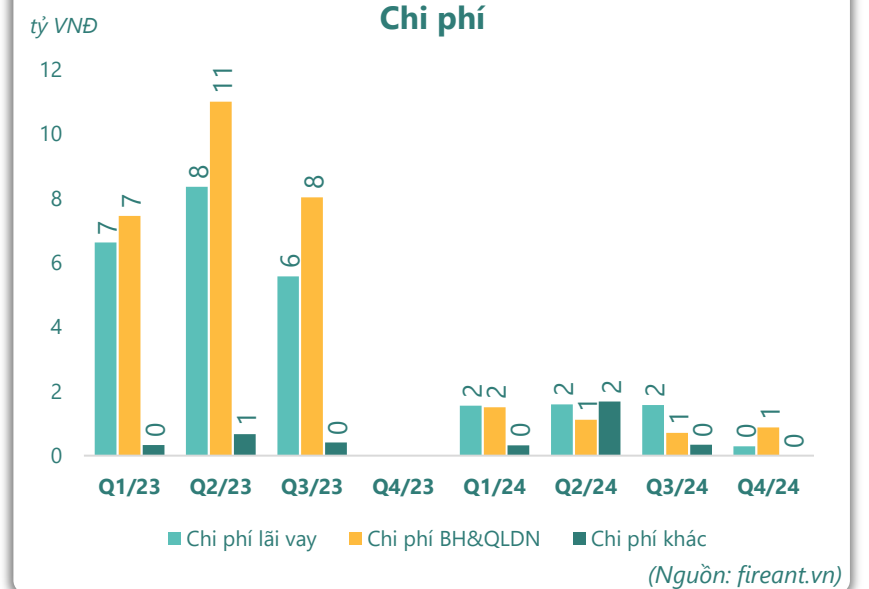
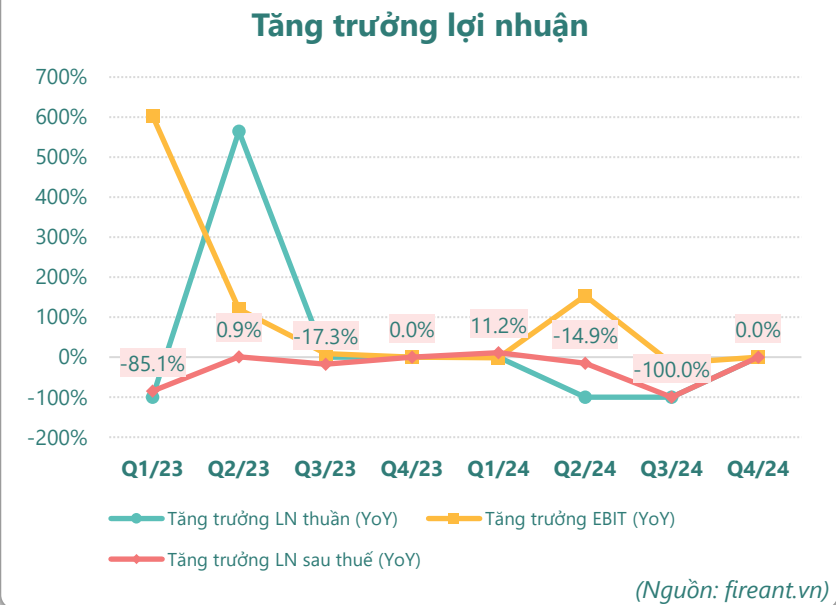
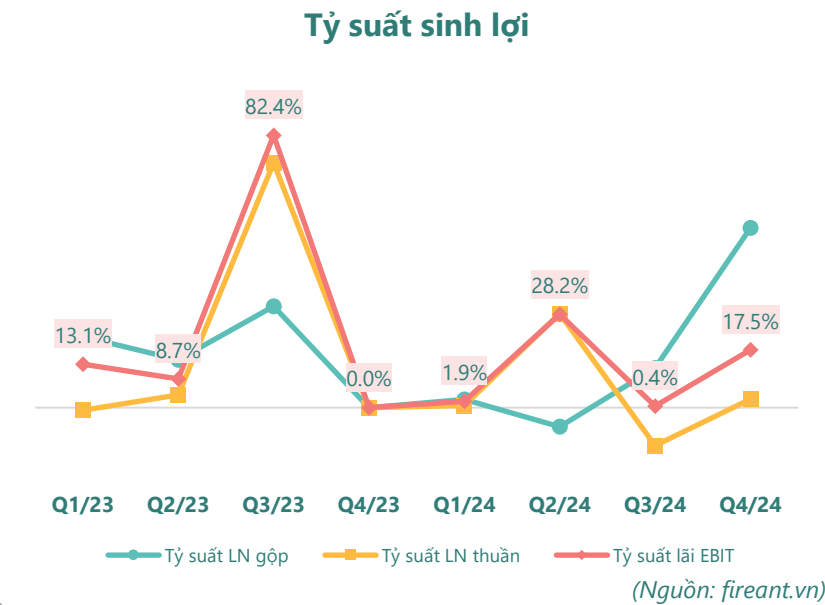
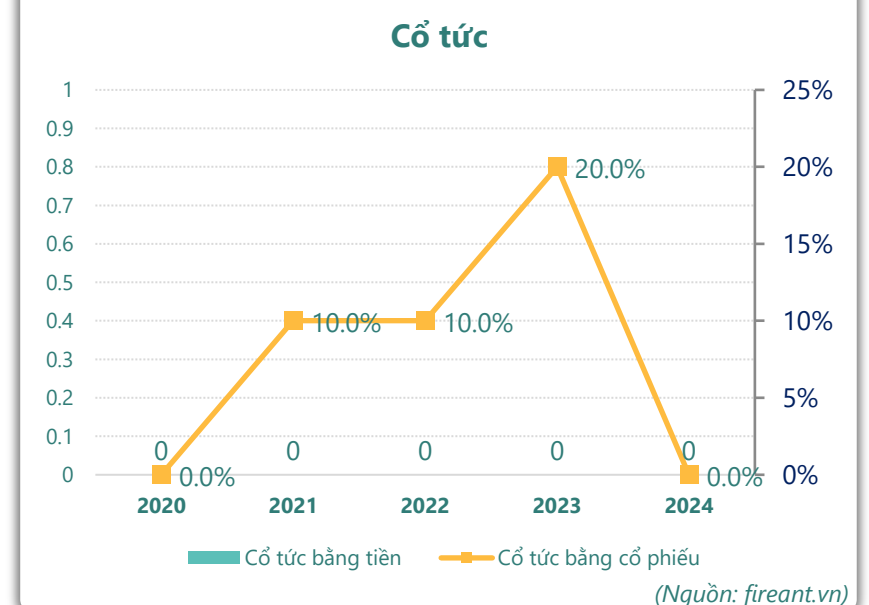
DT thuần 2024
145
tỷ VNĐ
YoY: ▼243 -62.5%

LN thuần 2024
9.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.4 -82.0%

LN sau thuế 2024
4.82
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.5 -87.7%



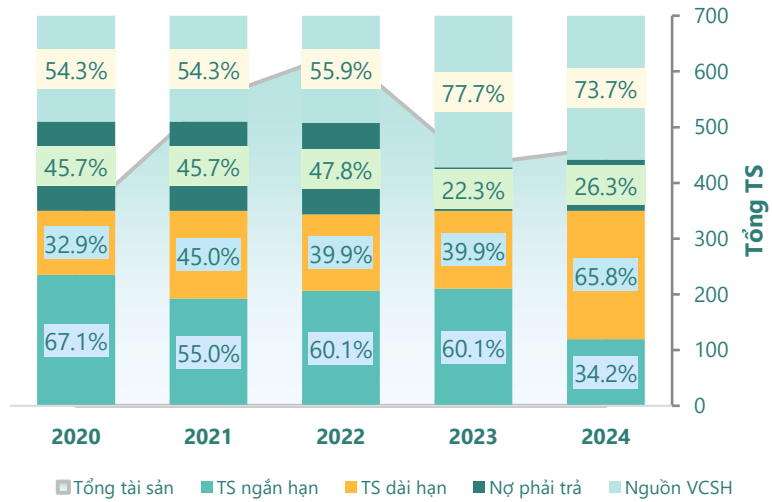
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

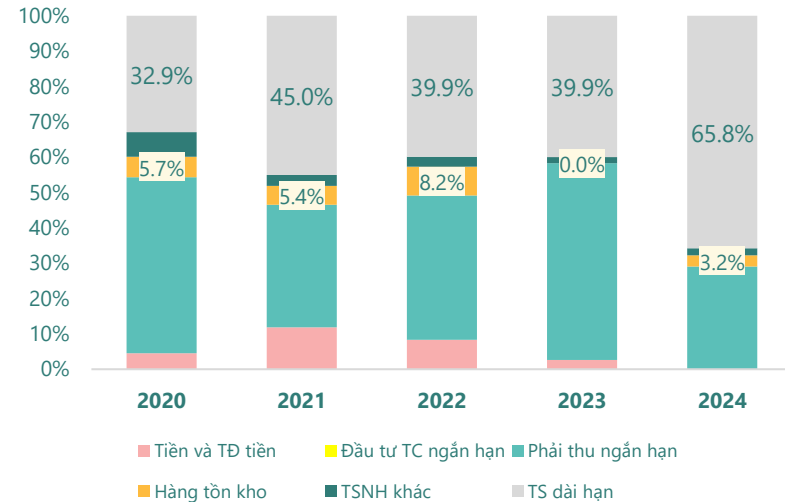
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

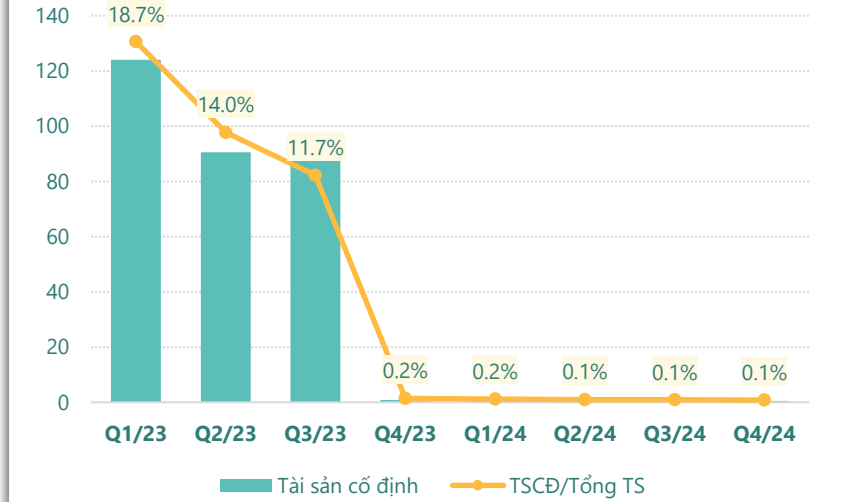
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

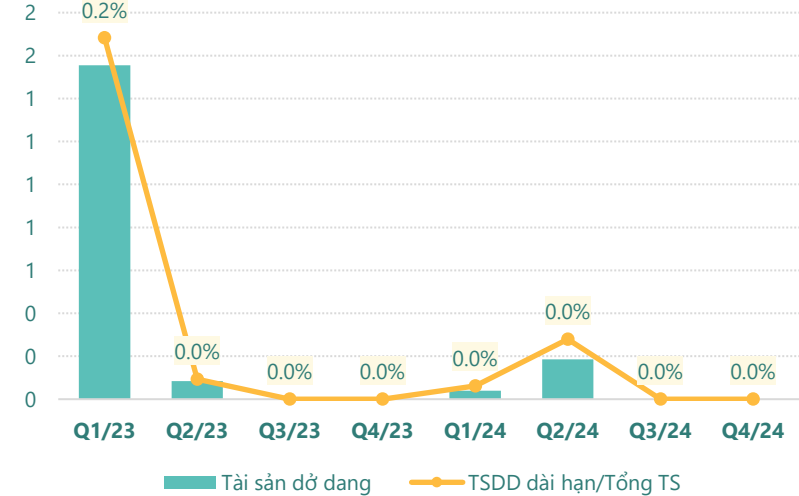
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

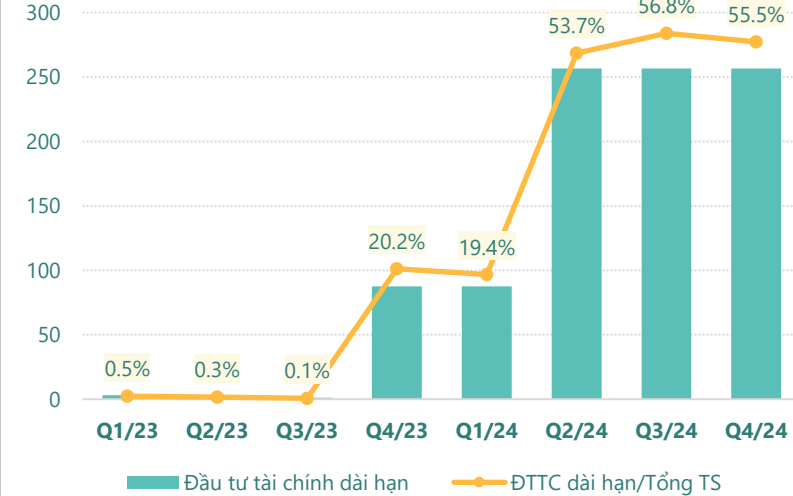
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

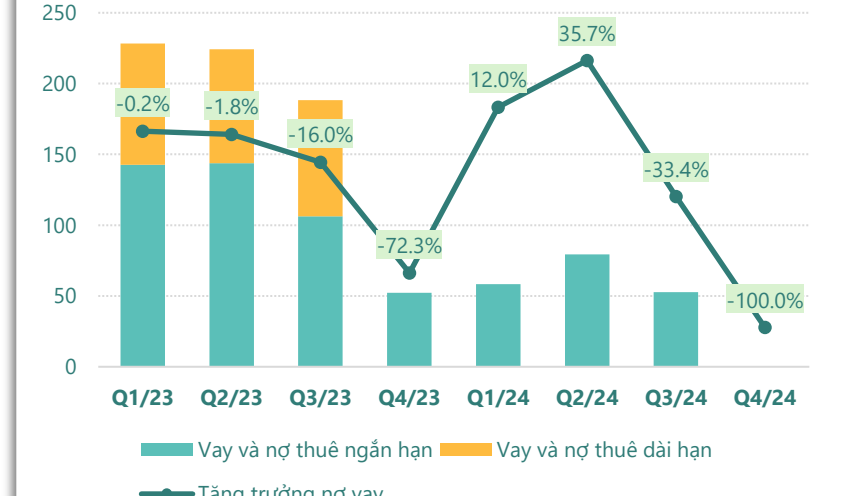
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

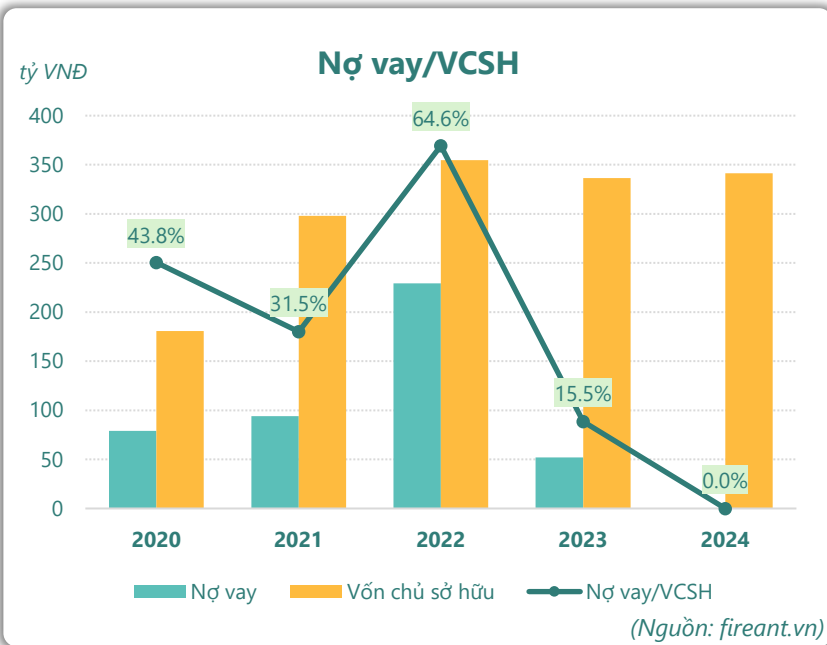
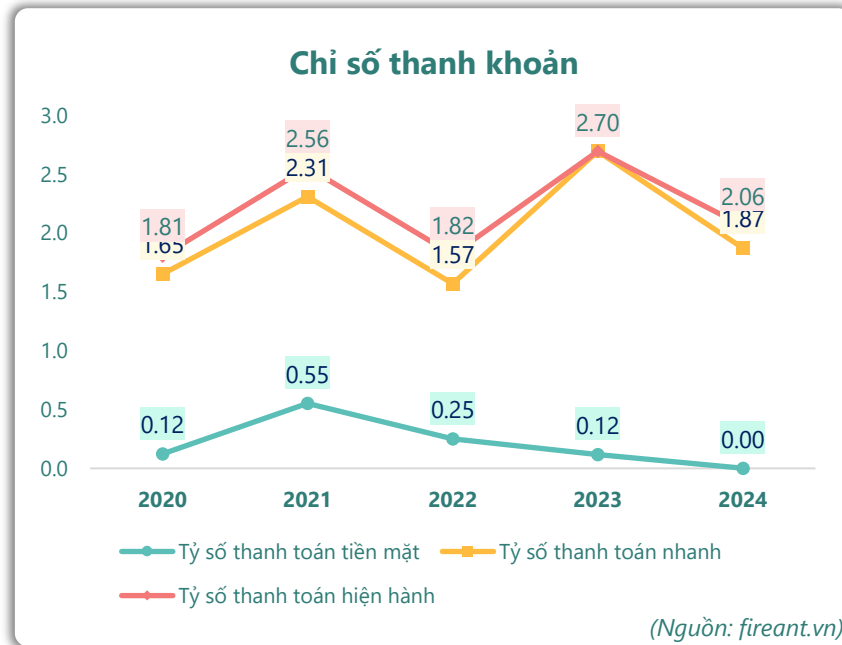
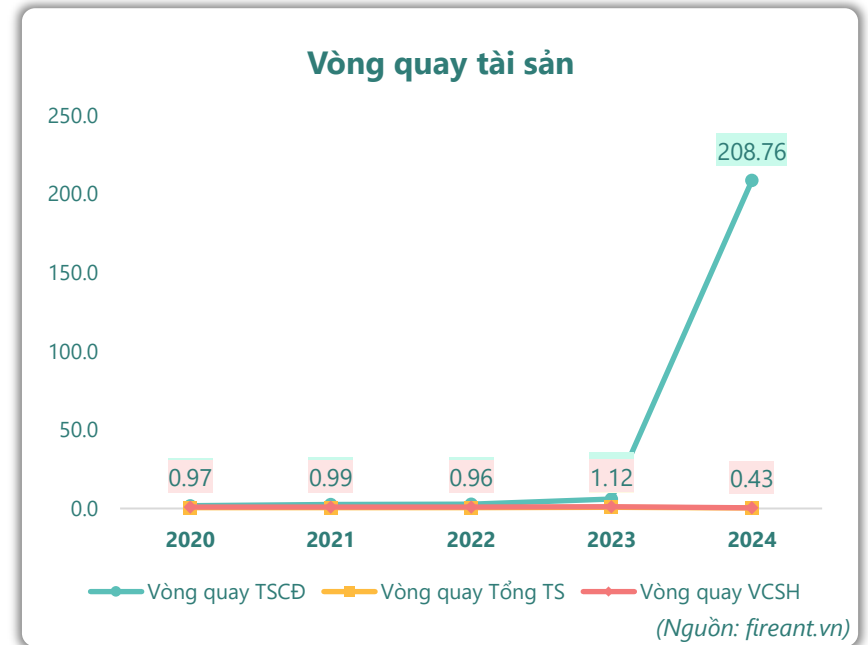
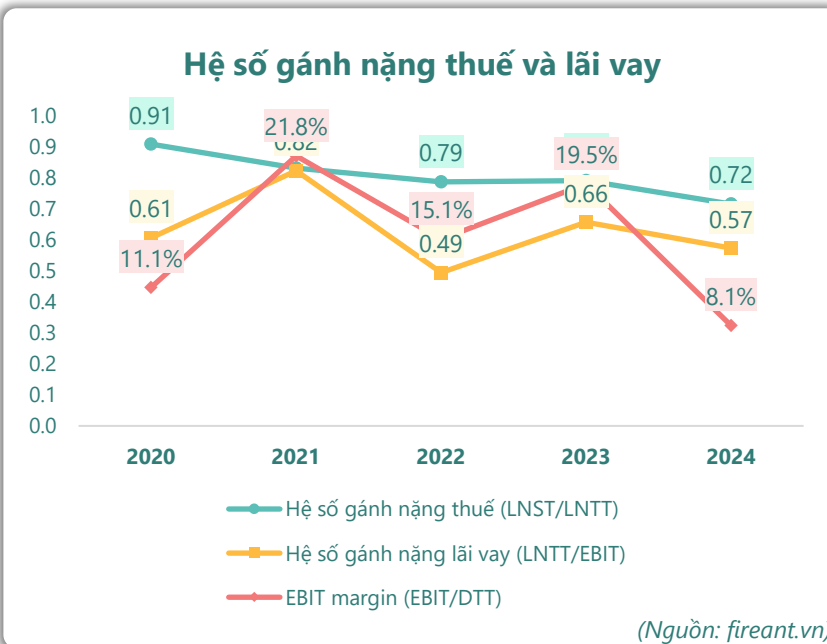
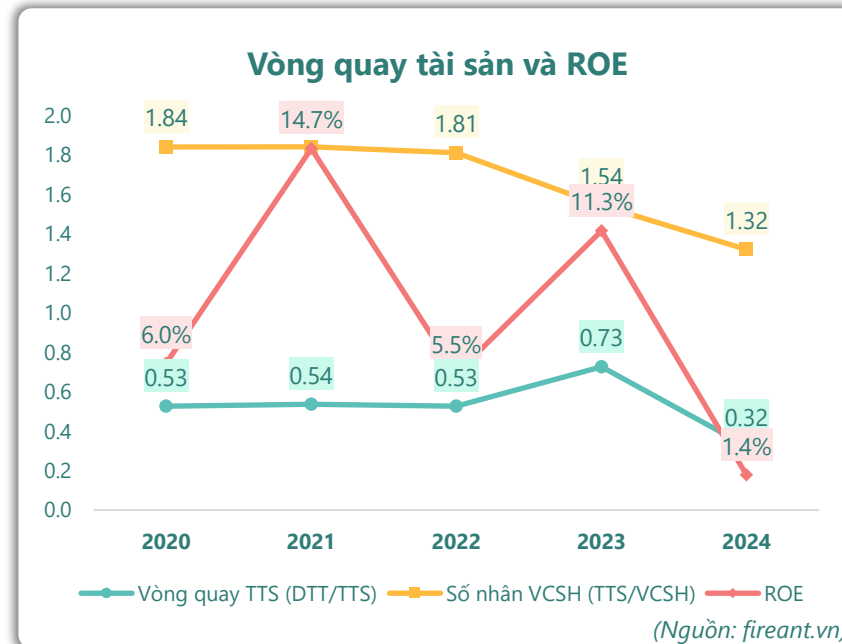
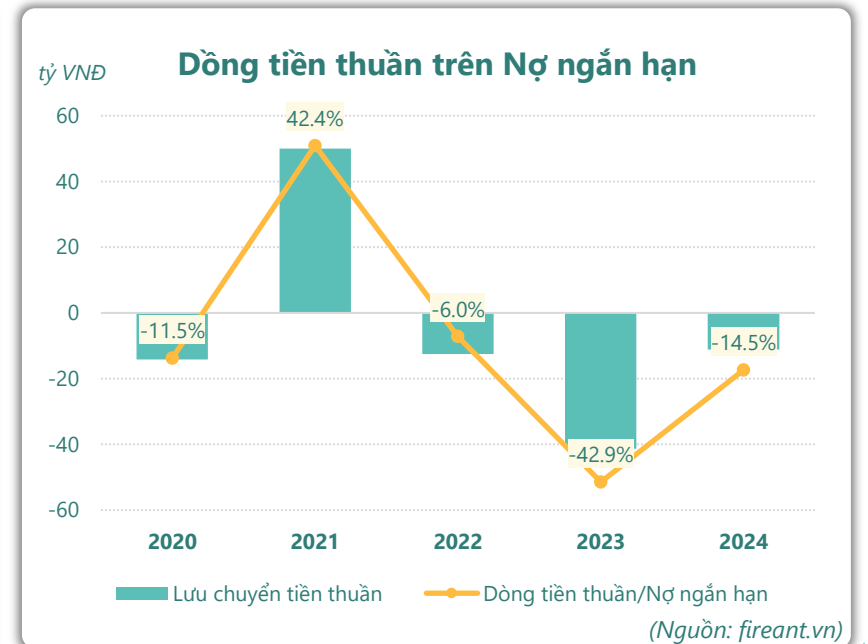
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.93			145	388	-62.5%
Giá vốn hàng bán	0.88			143	324	-56.0%
Lợi nhuận gộp	1.05			2.86	64.0	-95.5%
Doanh thu HĐTC	0.17			16.4	47.2	-65.2%
Chi phí TC	0.29			5.96	28.4	-79.0%
Chi phí lãi vay	0.29			5.02	26.0	-80.7%
LN trong công ty LKLD	0			0	0	
Chi phí bán hàng	0.11			0.43	14.3	-97.0%
Chi phí QLDN	0.77			3.78	17.9	-78.9%
LN thuần từ HĐKD	0.05			9.10	50.5	-82.0%
Lợi nhuận khác	-0.01			-2.37	-0.88	-170%
LN trước thuế	0.04			6.73	49.7	-86.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.04			4.82	39.3	-87.7%
LNST của CĐ cty mẹ	0.04			4.82	39.1	-87.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	102	0	-5.53	47.0	26.5	27.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.53	0	4.97	-72.1	0	-30.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.6	0	5.94	20.6	-26.8	-8.00
Tiền đầu kỳ	25.0	0	11.2	16.6	12.1	11.7
Lưu chuyển tiền thuần	57.2	0	5.38	-4.54	-0.31	-11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	82.1	0	16.6	12.1	11.7	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	463	433	7.0%
Tài sản ngắn hạn	159	260	-39.0%
Tiền và tương đương tiền	0.10	11.2	-99.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	135	241	-44.1%
Hàng tồn kho	14.6	0	
Tài sản ngắn hạn khác	9.17	7.78	17.9%
Tài sản dài hạn	304	173	76.1%
Phải thu dài hạn	0	45.0	-100%
Tài sản cố định	0.53	0.87	-39.1%
Bất động sản đầu tư	31.3	29.2	7.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	257	87.5	193%
Tài sản dài hạn khác	15.9	10.2	55.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	122	96.4	26.2%
Nợ ngắn hạn	76.8	96.4	-20.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	52.1	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.7	30.2	97.4%
Nợ dài hạn	44.8	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	341	336	1.5%
Vốn chủ sở hữu	341	336	1.5%
Vốn điều lệ	314	314	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

